

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bảo hiểm, thép với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2406 tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

ACB, LPB

[Cập nhật công ty]

NLG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị trái lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+-5).

23/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,281.03	+1.11
VN30	1,304.76	+1.03
HĐTL VN30F1M	1,300.00	+0.60
HNXIndex	246.91	+0.72
HNX30	552.15	+1.43
UPCoM	95.17	+0.50
USD/VND	25,469	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.92	+7
Lãi suất qua đêm (%)	5.03	+65
Dầu (WTI, \$)	77.77	+0.26
Vàng (LME, \$)	2,361.27	-0.74



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,281.03 (+1.11%)
KLGD (triệu CP) 833.7 (-10.1%)
GTGD (triệu US\$) 915.4 (-16.9%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bảo hiểm, thép với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng 66.46 tỷ đồng, tập trung tại FPT (-0.36%), DBC (+3.78%), VHM (+0.5%).

HNXIndex 246.91 (+0.72%)
KLGD (triệu CP) 102.0 (-26.5%)
GTGD (triệu US\$) 83.5 (-20.1%)

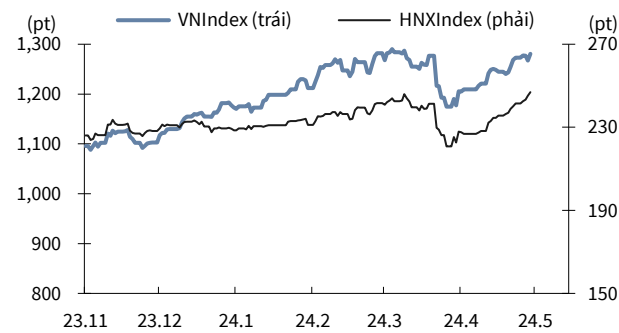
Giá heo hơi hôm nay 23/5 tiếp đà tăng nhanh tại nhiều tỉnh, cao nhất 2,000 đồng/kg. Cổ phiếu ngành chăn nuôi tăng giá ở DBC (+3.78%), BAF (+1.8%).

UPCoM 95.17 (+0.50%)
KLGD (triệu CP) 93.4 (-54.8%)
GTGD (triệu US\$) 59.3 (-4.8%)

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 5 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt hơn 6 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023. Cổ phiếu ngành gỗ tăng giá ở GDT (+1.08%), PTB (+2.74%)

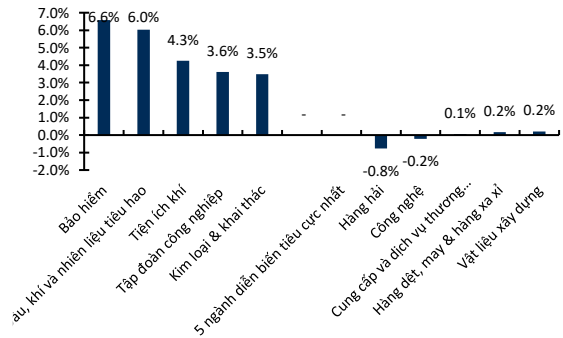
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.3

VNIndex & HNXIndex



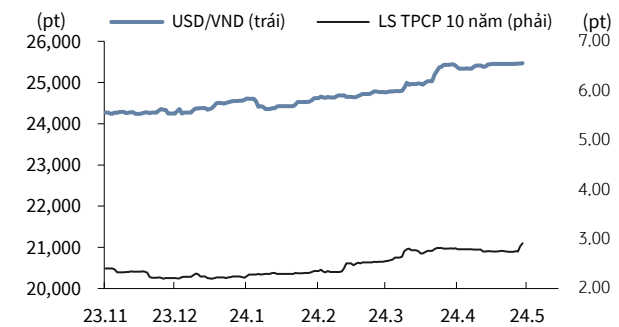
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



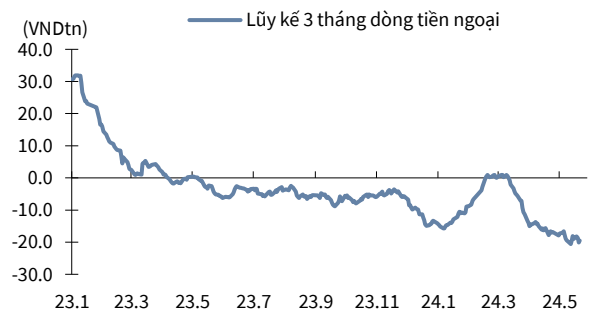
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

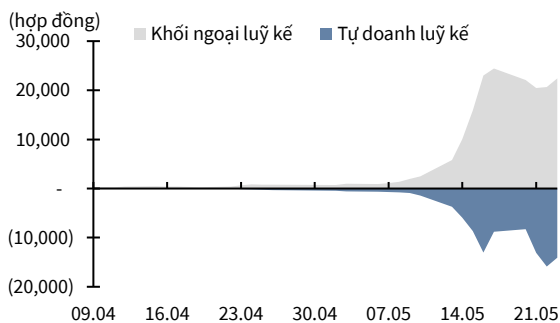
VN30	1,304.76 (+1.03%)
VN30F1M	1,300.0 (+0.60%)
Mở cửa	1,288.8
Cao nhất	1,300.0
Thấp nhất	1,283.0

KLGD (HĐ) **241,368 (+3.2%)**

HĐTL VN30F2406 tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại -1.76 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.92 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -4.76 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

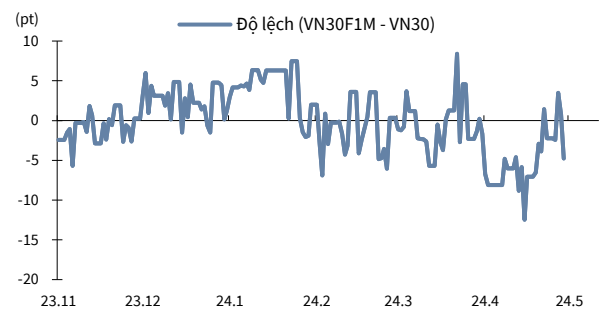
Khối ngoại mua ròng 1,744 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 22,384 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,773 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 14,106 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



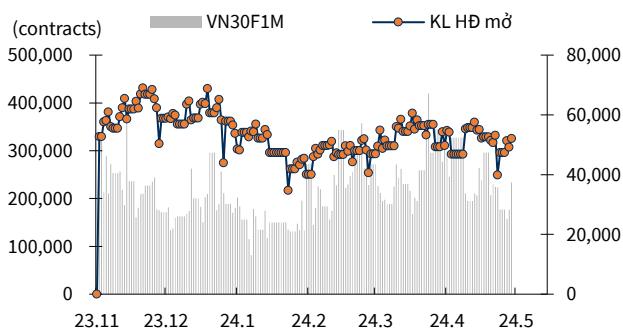
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



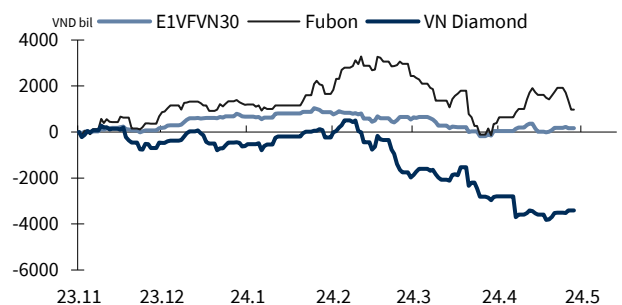
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

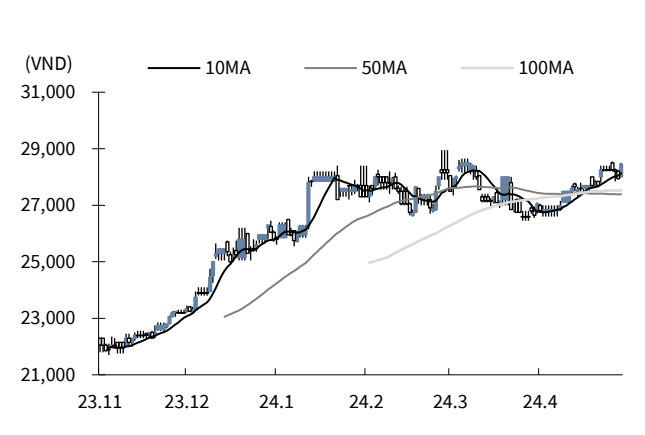
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

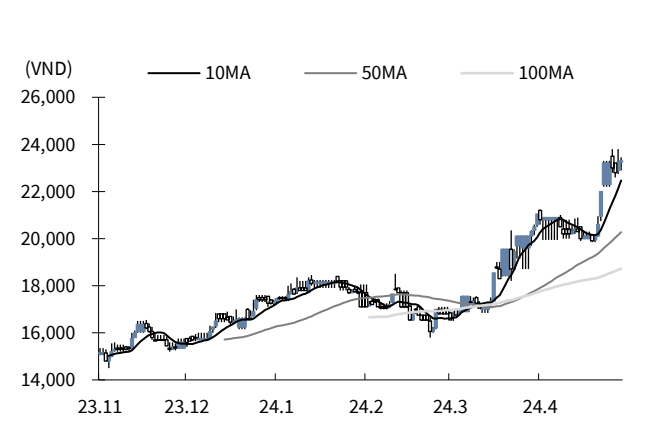
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB tăng 1.79% lên 28,450 VND/cp
- Về tình hình kinh doanh, trong quý I thu nhập lãi thuần của ACB tăng 8% so với cùng kỳ, đạt gần 6,722 tỷ đồng. Lãi từ dịch vụ tăng 19%, thu được 745 tỷ đồng. Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán của ngân hàng trong quý này tiếp tục đột biến. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh thu được khoản lãi hơn 196 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ. Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư cũng lãi hơn 204 tỷ đồng trong khi cùng kỳ báo lỗ. Trong quý này, ACB tăng cường trích lập dự phòng rủi ro tín dụng khi dành ra đến 512 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ. Kết quả, ACB lãi trước thuế hơn 4,892 tỷ đồng trong quý I, giảm 5% so với cùng kỳ. Ngân hàng này cho biết, lợi nhuận quý đầu năm giảm nhẹ so với cùng kỳ do cùng kỳ năm 2023 có khoản thu nhập bất thường và tăng trích lập dự phòng nợ vay.

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LPB tăng 0.22% lên 23,300 VND/cp
- Ngày 8/5, VIS Rating - Công ty Xếp hạng tín nhiệm hàng đầu Việt Nam, được thành lập bởi Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's và các tổ chức tài chính uy tín trong nước, đã công bố kết quả Xếp hạng Tín nhiệm tổ chức phát hành dài hạn đối với LPBank ở mức A+ với Triển vọng "Ổn định". Theo đó, VIS Rating đánh giá chất lượng tài sản của LPBank ở mức tốt nhờ khả năng kiểm soát tỷ lệ nợ xấu. Trong vòng 3 năm trở lại đây, tỷ lệ nợ xấu của LPBank luôn giữ ở mức thấp so với trung bình ngành, trong khi đó, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro đảm bảo nợ xấu bình quân luôn ở mức cao hơn so với trung bình ngành.

Doanh số bán hàng hồi phục mạnh mẽ so với cùng kỳ

Doanh số ước tính năm 2024 đạt 5,264 tỷ VND (+37%YoY)

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 576 tỷ VND (+19%YoY)

Khuyến nghị: TRUNG LẬP - Giá mục tiêu: 46,100VND/cổ phiếu

Doanh số bán hàng trong Quý 1/2024 hồi phục mạnh mẽ đạt 1,168 tỷ VND (+5xYoY), nhờ phân khúc căn hộ của hai dự án Akari City và Mizuki. Hai dự án này ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tốt với doanh số đạt lần lượt là 542 tỷ VND và 246 tỷ VND.

Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2024 đạt 5,264 tỷ VND (+37%YoY) đến từ các dự án Akari City, Mizuki Park, Southgate và EhomeS Cần Thơ. Dự báo của KBSV thấp hơn 45% so với kế hoạch của doanh nghiệp đã đặt ra là 9,554 tỷ VND

Chúng tôi dự báo LNST của NLG năm 2024 đạt 576 tỷ VND (+19%YoY) từ bàn giao dự án Southgate, Izumi City, Mizuki Park và bắt đầu bàn giao dự án Akari City và Cần Thơ. KBSV kỳ vọng NLG sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý để ghi nhận khoản lãi từ thoái vốn 25% dự án Paragon trong năm 2024.

Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực đối với cổ phiếu Nam Long nhờ (1) Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn và (2) Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu ở thực. Tuy nhiên, giá cổ phiếu Nam Long có mức tăng khoảng 20% so với thời điểm đầu năm, hiện đang giao dịch ở mức P/B 2024fw là 1.8x, tương đương +1std của trung bình P/B 5 năm của NLG. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu NLG với mức giá mục tiêu là 46,100 VND/cp, cao hơn 5% so với giá đóng cửa ngày 21/05/2024.

TRUNG LẬP thay đổi

Giá mục tiêu 46,100 VND

Tăng/giảm (%)	5%
Giá hiện tại (21/05/2024)	44,100 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	46,300 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	17.4/0.7

Dự phóng KQKD & định giá

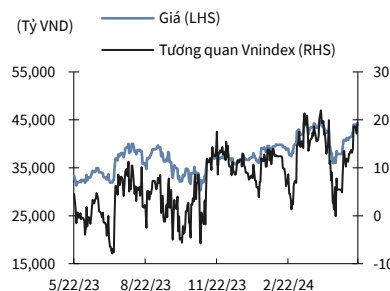
FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	4,339	3,181	5,462	6,901
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,041	942	1,217	1,456
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	556	484	576	621
EPS (VND)	1,448	1,257	1,496	1,613
Tăng trưởng EPS (%)	-48	-13	19	8
P/E (x)	27.31	36.72	30.14	27.96
P/B (x)	1.69	1.80	1.77	1.69
ROE (%)	4.2	3.6	4.0	4.0
Tỷ suất cổ tức (%)	0	1	1	1

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	56.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	161.4/6.5
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cổ đông lớn	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Xuân Quang (12%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	18.9	13.1	15.6	32.4
Tương đối	11.6	9.0	0.9	13.1



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên sáng và dần hồi phục với các nhịp tăng điểm gối đầu trong phiên chiều.
- Dưới lực đỡ và dẫn dắt của các cổ phiếu trụ, VNIndex có một phiên hồi phục tương đối tích cực với việc tạo nên tăng điểm thân đặc bao trùm toàn bộ nền giảm điểm hôm qua, đưa trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù rủi ro VNIndex sẽ gặp áp lực rung lắc trở lại quanh vùng đỉnh ngắn hạn cũ vẫn còn hiện hữu, dòng tiền chủ động bắt đáy được kỳ vọng tiếp tục bảo lưu cho xu hướng hồi phục của chỉ số
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+5).

Chỉ số VN30

Chỉ số VN30 · 1D ○ 1290.38 H1306.28 L1283.26 C1304.76 +13.30 (+1.03%)

Volume - Khối lượng SMA 9 229.219M

BB 20 2 1274.42

MA 50 close 0 SMA 9 1265.70



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Hợp đồng tương lai VN30F1M · 1D ○ ...

Volume - Khối lượng SMA 9 240.848K

BB 20 2 1270.3

MA 50 close 0 SMA 9 1263.3



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1319 – 1323

Kháng cự gần: 1307 – 1309

Hỗ trợ gần: 1292 – 1294

Hỗ trợ xa: 1279 – 1282

- F1 diễn biến giằng co trong phiên sáng và dần hồi phục với các nhịp tăng điểm gổ đầu trong phiên chiều.
- Rủi ro giảm điểm phần nào có sự hạ nhiệt với việc F1 hình thành mẫu hình nến “Piercing” đi kèm thanh khoản gia tăng, cho thấy phe Long đã có những động thái quyết liệt hơn. Mặc dù rủi ro F1 sẽ gặp áp lực rung lắc trở lại quanh vùng đỉnh ngắn hạn cũ vẫn còn hiện hữu, dòng tiền chủ động bắt đáy được kỳ vọng tiếp tục bảo lưu cho xu hướng hồi phục của chỉ số
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở Long trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

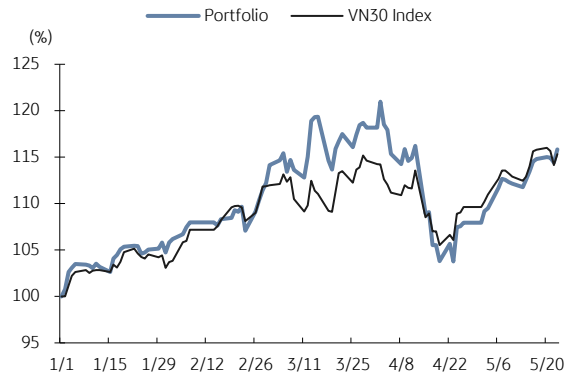
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.03%	1.22%
Tăng lũy kế (YTD)	15.32%	15.82%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	137,500	-0.4%	11.1%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	29,400	5.2%	3.3%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	91,000	0.3%	-7.3%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	33,400	1.8%	0.8%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	46,500	0.2%	-0.6%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	162,300	0.2%	0.8%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	67,000	1.8%	-0.9%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	31,600	1.9%	-9.3%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,400	-0.6%	-11.7%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	62,000	1.6%	10.7%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DBC	3.8%	9.9%	99.7
MWG	1.6%	48.9%	80.0
HPG	3.7%	25.4%	79.1
PC1	5.2%	7.0%	77.5
FUEVFVND	0.4%	96.5%	61.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	-0.4%	49.0%	-187.2
VHM	0.5%	17.8%	-81.5
VND	-3.3%	19.6%	-67.6
GAS	4.3%	2.2%	-37.9
MSN	2.6%	30.2%	-35.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	1.5%	1.6%	11.6
PLC	7.1%	0.4%	4.2
DTD	2.7%	7.1%	3.3
TNG	1.2%	22.1%	2.4
PVS	1.8%	20.7%	1.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.6%	22.9%	-8.3
HUT	2.2%	1.7%	-4.7
SHS	0.5%	9.8%	-3.1
CEO	0.0%	5.1%	-1.6
VFS	-1.1%	0.2%	-1.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	9.4%	BVH, MIG, BIC, BMI
Phụ tùng oto	7.5%	DRC, CSM, PAC, TNC
Máy móc	5.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích khí	5.2%	GAS, PGD, PMG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	5.0%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-3.3%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.7%	AST, VNG, DSN, DAH
Ngân hàng	-1.5%	VCB, BID, VPB, TCB
Sản phẩm xây dựng	-1.2%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thiết bị điện	-0.7%	GEX, SAM, CAV, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	29.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	27.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	25.3%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	20.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	19.1%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.1%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	1.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	1.3%	VCB, BID, VPB, TCB
Dược	3.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
Sản xuất điện	4.7%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	99,435 (3.9)	22.5	37.0	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.7	0.1	-2.6	11.1	2.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	289,044 (11.4)	26.6	5.3	4.7	35.9	17.2	17.0	0.9	0.8	0.5	0.7	0.9	-6.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	163,011 (6.4)	17.8	12.4	10.9	-7.6	10.8	10.9	1.3	1.2	-0.6	1.5	5.0	-1.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	298,092 (11.7)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	-0.3	1.1	-0.7	-15.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	106,390 (4.2)	11.6	33.5	27.9	13.7	6.2	7.9	1.8	1.7	1.0	0.4	10.5	17.7
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	149,287 (5.9)	13.9	42.6	26.7	-	2.5	3.5	1.1	1.1	-0.6	0.9	12.3	-10.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	113,372 (4.5)	6.3	14.4	12.3	11.7	19.5	19.3	2.5	2.1	0.3	-1.7	1.0	13.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	71,264 (2.8)	12.7	13.1	10.8	-5.3	18.8	18.8	2.0	1.7	-0.6	-0.2	0.2	14.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	467,856 (18.4)	0.0	7.4	6.0	14.3	16.3	17.6	1.1	0.9	0.2	-6.8	0.6	46.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	254,085 (10.0)	1.4	8.6	6.7	50.3	17.2	18.6	1.2	1.0	0.8	0.2	5.6	22.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	261,348 (10.3)	0.0	10.3	7.9	18.8	9.9	11.8	1.0	0.9	1.1	-4.6	0.5	-3.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	381,135 (15.0)	0.0	5.6	4.7	14.6	22.4	23.1	1.1	0.9	0.4	-2.6	3.6	22.3
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	183,845 (7.2)	4.2	5.6	5.0	23.3	22.9	21.9	1.3	1.0	1.4	2.1	11.3	21.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	282,530 (11.1)	14.0	5.7	4.1	26.5	19.2	22.1	1.0	0.8	2.0	0.5	2.7	2.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	127,604 (5.0)	0.0	6.7	5.5	37.4	17.0	17.6	1.1	0.9	0.8	-0.3	6.1	5.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	137,747 (5.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.6	3.9	6.6	0.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	18,960 (0.7)	21.0	18.9	16.3	15.8	8.1	8.9	1.5	1.4	7.0	9.3	13.6	12.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,317 (0.2)	14.2	10.7	9.7	9.1	12.5	12.6	1.1	1.0	7.0	10.8	13.7	22.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	517,776 (20.4)	55.4	20.1	16.7	-3.2	12.2	12.5	2.0	1.9	0.7	1.7	6.4	11.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	265,560 (10.4)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	0.0	2.6	9.8	17.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	209,908 (8.3)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.5	4.6	16.3	29.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	265,262 (10.4)	27.2	-	-	36.3	12.1	-	-	-	-3.3	-2.1	4.6	-7.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	211,533 (8.3)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	1.8	-0.3	5.5	-0.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	56,984 (2.2)	36.9	17.9	16.7	7.3	17.7	18.7	3.2	3.0	3.5	3.5	12.3	-5.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	397,543 (15.6)	16.5	62.5	30.1	-51.9	7.2	10.9	3.9	4.1	2.6	4.7	17.2	13.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,448 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	3.3	9.6	-8.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	122,347 (4.8)	11.0	35.2	20.5	-88.5	12.5	17.6	-	-	2.1	-5.2	8.4	3.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	174,404 (6.9)	10.8	22.6	21.5	-57.0	14.2	14.1	2.8	2.6	1.8	1.3	8.2	21.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	80,289 (3.2)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	1.2	2.0	12.2	1.4
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	65,167 (2.6)	48.0	30.3	25.1	26.2	28.5	30.6	7.1	6.0	1.9	-1.8	11.5	43.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	280,096 (11.0)	37.7	37.9	18.7	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	4.4	5.3	21.9	0.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	83,573 (3.3)	3.6	23.8	16.1	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	1.7	7.4	16.1	6.1
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	99,017 (3.9)	0.0	12.0	10.3	-4.5	12.0	12.5	1.4	1.4	3.9	3.1	21.1	24.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	81,154 (3.2)	46.1	16.4	15.3	-17.5	16.9	16.8	2.7	2.5	4.3	5.3	7.7	5.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,561 (0.6)	31.4	-	26.0	-10.5	3.1	6.6	1.7	1.7	4.7	3.3	9.4	-5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	12,060 (0.5)	34.1	7.7	6.2	-5.1	15.6	18.6	-	-	2.9	-2.2	17.8	7.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	755,771 (29.7)	18.0	14.4	10.5	21.9	11.8	15.1	1.7	1.5	3.7	2.7	17.6	16.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	83,805 (3.3)	36.5	19.3	17.1	-0.5	5.3	8.3	1.3	1.3	2.8	5.7	18.2	11.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	152,216 (6.0)	46.5	14.6	13.2	-4.5	14.3	15.3	2.0	1.9	0.9	5.4	29.9	20.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	169,763 (6.7)	38.9	16.6	12.2	67.9	8.7	12.9	1.2	1.1	1.8	4.0	14.6	-2.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	40,395 (1.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	3.2	20.8	21.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	66,204 (2.6)	4.6	15.8	14.7	-51.0	11.4	11.5	1.8	1.7	6.9	5.5	15.1	16.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	158,256 (6.2)	39.9	19.0	12.4	-11.9	6.1	8.1	1.2	1.1	1.5	1.2	13.4	16.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	143,617 (5.6)	35.9	9.1	8.0	2.2	14.0	13.8	1.2	1.1	0.7	-0.7	19.7	21.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	716,265 (28.2)	0.0	30.3	17.6	14.4	12.3	15.4	3.6	3.2	1.6	3.5	24.5	44.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	150,295 (5.9)	0.0	15.6	13.6	2.4	21.2	21.1	3.0	2.6	0.0	0.9	6.1	14.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	10,885 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.2	1.4	6.3	-20.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	137,974 (5.4)	30.3	101.3	38.5	-75.2	19.2	24.6	11.7	9.3	0.2	-2.0	11.9	51.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,764 (0.9)	34.6	19.1	14.4	41.2	13.8	18.0	2.4	2.2	0.5	-1.5	12.5	20.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,501 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	0.3	0.4	3.8	11.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	458,152 (18.0)	0.0	23.0	18.6	15.5	28.8	29.0	4.9	4.1	-0.4	1.6	22.4	43.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.